|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG** | **CÂU HỎI TNKQ LẦN 3( GIỮA KÌ II)****NĂM HỌC 2023-2024****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

**A. NỘI DUNG ÔN TẬP: Từ tuần 19 đến tuần 24**

**1- Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá học sinh về các đơn vị kiến thức đã học:

 **- Chủ đề** **1: Vùng Tây Nguyên**

+ Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

+ Phát triển kinh tế, xã hội của của vùng

 **- Chủ đề 2**: **Vùng Đông Nam Bộ:**

+ Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

+ Đặc điểm phát triển kinh tế của vùng

 **- Chủ đề 3**: **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long:**

+ Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

+ Đặc điểm phát triển kinh tế của vùng

**2- Năng lực:**

- Phân tích về các mối quan hệ Địa lý: Giữa điều kiện tự nhiên và phân bố dân cư, phát triển các ngành kinh tế của ba vùng kinh tế trên

- Năng lực khai thác Atlat Địa lý Việt nam, phân tích bảng số liệu, phân tích, nhận dạng các loại biểu đồ

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**B. DẠNG BÀI:** **100% trắc nghiệm khách quan: có nhiều lựa chọn nhưng chỉ có một đáp án đúng**

***Cho bảng số liệu:***

*Sản lượng thủy sản, giá trị sản xuất thủy sản (theo giá so sánh 2010) của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, năm 2014( Sử dụng cho câu 1,2,3)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí****Vùng** | **Sản lượng (nghìn tấn)** | **Giá trị sản xuất (tỷ đồng)** |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3619,5 | 128343,0 |
| Cả nước | 6332,6 | 217432,7 |

***Câu 1. Loại biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản và giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A. tròn  | B. cột | C. miền |  | D. kết hợp |

***Câu 2. Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2014?***

A. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 59% cả nước.

B. Giá trị sản xuất thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

C. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

D. Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm dưới 50% cả nước.

***Câu 3. Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2014?***

A. Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 59% cả nước.

B. Giá trị sản xuất thủy sản Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

C. Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 57,1% cả nước.

D. Giá trị sản xuất thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long chiếm dưới 50% cả nước.

***Câu 4. Đồng bằng sông Cửu Long có mật độ dân số***

|  |  |
| --- | --- |
| A. thấp hơn mật độ chung cả nước. | B. cao hơn mật độ chung cả nước. |
| C. cao hơn mật độ Đồng bằng sông Hồng. | D. thấp hơn mật độ Tây Nguyên. |

***Câu 5. Loại hình giao thông vận tải nào phát triển nhất vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?***

A. Đường sông B. Đường sắt C. Đường bộ D. Đường biển

***Câu 6. Ngành công nghiệp nào có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng Sông Cửu Long?***

A. Sản xuất hàng tiêu dùng. B. Dệt may.

C. Chế biến lương thực thực phẩm. D. Cơ khí.

***Câu 7.***  ***Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là gì?***

A. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.

B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.

C. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.

D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

***Câu 8. Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do***

A. mưa lớn và triều cường. B. bão lớn và lũ nguồn về.

C. không có đê sông ngăn lũ. D. mưa bão trên diện rộng.

***Câu 9. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long ba mặt tiếp giáp biển thuận lợi nhất cho việc phát triển:***

A. đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. B. xây dựng các cảng nước sâu.

C. du lịch biển.       D. khai thác và chế biến khoáng sản.

***Câu 10.*** ***Dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long hàng năm phải sống chung với lũ vì:***

A. lũ xảy ra quanh năm.

B. không có hệ thống đê ngăn lũ như ĐBSH.

C. phần lớn diện tích của vùng thấp hơn so với mực nước biển.

D. lũ lên nhanh, rút nhanh nên rất khó phòng tránh.

***Câu 11. Vùng ĐBSH và ĐBSCL có ngành chăn nuôi phát triển là do:***

A. có lực lượng lao động đông đảo, có kinh nghiệm trong chăn nuôi.

B. có nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

D. các giống vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

***Câu 12. Sử dụng Atlat Việt Nam trang 29, cho biết tỉnh nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long không giáp biển?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bến Tre. | B. Trà Vinh. | C. Bạc Liêu. | D. Hậu Giang. |

***Câu 13. Khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm nào sau đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cận nhiệt đới gió mùa. | B. Cận nhiệt đới lục địa khô hạn. |
| C. Cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm. | D. Nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh. |

***Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay gặp nhiều khó khăn?***

A. Xâm nhập mặn sâu. B. Bão hoạt động mạnh.

 C. Diện tích mặt nước giảm. D. Lượng mưa ngày càng ít.

***Câu 15. Sông nào* không *chảy trong vùng Đông Nam Bộ?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sông Đồng Nai. |  B. Sông Bé. |
| C. Sông Sài Gòn. |  D. Sông Ba. |

***Câu 16. Sử dụng Atlat Việt Nam, cho biết những tỉnh nào sau đây ở Đông Nam Bộ tiếp giáp với Cam-pu-chia?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bình Dương, Bình Phước. | B. Tây Ninh, Bình Phước. |
| C. Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu. | D. Bình Dương, Đồng Nai. |

***Câu 17. Sử dụng Atlat Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đông Nam Bộ không tiếp giáp với vùng nào sau đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Duyên hải Nam Trung Bộ. | B. Đồng bằng sông Cửu Long. |
| C. Tây Nguyên. | D. Bắc Trung Bộ. |

***Câu 18. Sử dụng Atlat Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ là:***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thủ Dầu Một. | B. Biên Hòa. |
| C. Thành phố Hồ Chí Minh. | D. Vũng Tàu. |

***Câu 19. Dân cư và nguồn lao động ở Đông Nam Bộ* không *có đặc điểm nào sau đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mật độ dân số khá cao. | B. Tỉ lệ gia tăng dân số cao. |
| C. Nguồn lao động dồi dào. | D. Tập trung nhiều lao động lành nghề. |

***Câu 20. Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là***

A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.

C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

***Câu 21. Hai vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta là:***

|  |
| --- |
| A. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ |
| B. Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ |
| C. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên |
| D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long |

***Câu 22. Nhà máy nào sau đây ở Đông Nam Bộ sản xuất điện và phân bón ?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Phú Mĩ | B. Thác Mơ | C. Trị An | D. Thủ Đức |

***Câu 23. Vùng Đông Nam Bộ là vùng có thể phát triển mạnh cây công nghiệp do***

|  |
| --- |
| A. người dân có kinh nghiệm trong trồng và chế biến cây công nghiệp |
| B. có khí hậu cận xích đạo gió mùa, ít thiên tai |
| C. có diện tích đất badan và đất xám phù sa cổ lớn |
| D. có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến sản phẩm cây công nghiệp |

***Câu 24. Mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Đông Nam Bộ là***

|  |
| --- |
| A. hàng tiêu dùng cao cấp, giày dép, cây công nghiệp |
| B. dầu thô, cao su, giày dép, thủy sản, máy móc |
| C. may mặc, thực phẩm chế biến, nguyên nhiên liệu |
| D. dầu thô, thực phẩm chế biến, may mặc, giày dép |

***Câu 25. Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là***

|  |  |
| --- | --- |
| A. du lịch văn hóa | B. du lịch nghỉ dưỡng |
| C. du lịch sinh thái | D. du lịch văn hóa biển |

***Câu 26. Trung tâm kinh tế lớn nhất của vùng đồng bằng sông Cửu Long là***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Long An | B. Cần Thơ | C. Cà Mau | D. Sóc Trăng |

***Câu 27. Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra thiên tai nào sau đây?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. hạn hán | B. xâm nhập mặn | C. lũ lụt | D. bão |

***Câu 28. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng xâm nhập mặn diễn ra hàng năm ở đồng bằng sông Cửu Long***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phá rừng ngập mặn để nuôi tôm | B. Có nhiều cửa sông đổ ra biển |
| C. Địa hình thấp so với mặt nước biển | D. Mùa khô kéo dài và sâu sắc |

***Câu 29. Sử dụng Atlat Việt Nam trang 29, cho bết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?***

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Nam Bộ. | B. Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| C. Tây Nguyên. | D. Bắc Trung Bộ. |

***Câu 30. Sử dụng Atlat Việt Nam trang 29, cho bết******Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?***

A. 5       B. 6 C. 7     D. 8

***Câu 31.*** ***Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là:***

A. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.

C. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.

D. để tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.

***Câu 32. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 18 và 29: Cây cao su được trồng nhiều nhất ở những tỉnh nào?***

A. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương.

C. Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai.

D. Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Câu 33. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 18 và 29: Cây công nghiệp lâu năm nào được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ?***

A. Điều B. Cà phê C. Cao su D. Hồ tiêu

***Câu 34.*** ***Cây công nghiệp chiếm vị trí hàng đầu trong các cây công nghiệp ngắn ngày của vùng Đông Nam Bộ là:***

A. thuốc lá và lạc. B. mía và đậu tương. C. cao su và hồ tiêu. D. cao su và điều.

***Câu 35. Các ngành công nghiệp hiện đại nào đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ?***

A. Dệt – may, da- giầy, gốm sứ. B. Dầu khí, phân bón, năng lượng.

C. Chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí. D. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

***Câu 36. Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:***

A. Than B. Dầu khí C. Boxit D. Đồng

***Câu 37. Cho bảng số liệu:***

**NĂNG SUẤT LÚA CỦA VÙNG ĐBSH, ĐBSCL VÀ CẢ NƯỚC**

**QUA CÁC NĂM (Đơn vị: tạ/ ha )**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Vùng** | **1995** | **2000** | **2013** |
| **Cả nước** | 36,9 | 42,4 | 57,6 |
| **Đồng bằng sông Hồng** | 44,4 | 55,2 | 60,6 |
| **Đồng bằng sông Cửu Long** | 40,2 | 42,3 | 59,4 |

***Để thể hiện năng suất lúa của cả nước, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?***

A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ cột.      D. Biểu đồ tròn.

***Câu 38. Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là:***

A. Chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển.

B. Đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.

C. Ít khoáng sản, rừng và nguy cơ ô nhiễm môi trường.

D. Tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

***Câu 39. Năm 2002, GDP 3 vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đạt 289 500 tỉ đồng, chiếm bao nhiêu % GDP của cả nước? (biết rằng năm 2002, GDP của cả nước là 534 375 tỉ đồng).***

A. 54,17%. B. 184,58%. C. 541,7%. D. 5,41%.

**Cách tính tỉ lệ:** %GDP 3 vùng kinh tế trọng điểm = (GDP 3 vùng kinh tế trọng điểm × 100)/ GDP của cả nước

***Câu 40. Thành phố có sức thu hút lao động nhất cả nước ở Đông Nam Bộ là:***

A. Biên Hòa B. Thủ Dầu Một C. TP. Hồ Chí Minh D. Bà Rịa – Vũng Tàu

***Câu 41. Cho bảng số liệu:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| **Diện tích ( nghìn ha )** | 784,7 | 978,9 | 985,6 | 971,6 |
| **Sản lượng ( nghìn tấn )** | 751,7 | 966,6 | 1012,7 | 1086,7 |

 *( Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê , 2018 )*

***Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?***

A. Đường.         B. Tròn.        C. Miền.        D. Kết hợp.

***Câu 42.*** ***Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là***

A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

B. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.

C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

D. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

***Câu 43. Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế- xã hội ở Tây Nguyên là:***

A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

B. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.

C. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm.

D. Tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

***Câu 44. Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về an ninh quốc phòng là do có đặc điểm nào?***

A. có nhiều cửa khẩu quốc tế thông thương với nước ngoài.

B. khối cao nguyên có quan hệ chặt chẽ với đồng bằng duyên hải.

C. có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua tất cả các tỉnh trong vùng.

D. vị trí ngã ba biên giới giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

***Câu 45. Tây Nguyên có nguồn thủy năng lớn là do nguyên nhân nào?***

A. nhiều sông ngòi và sông có lưu lượng nước lớn.

B. địa hình cao nguyên xếp tầng và nhiều sông lớn.

C. lượng mưa dồi dào, mùa mưa phân hóa sâu sắc.

D. địa hình núi cao đồ sộ và hiểm trở nhất cả nước.

***Câu 46. Ý nghĩa môi trường của việc trồng và bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?***

A. Góp phần ổn định nguồn nước cho các nhà máy thủy điện

B. Hạn chế xói mòn, sạt lở đất ở vùng núi, lũ lụt ở vùng đồng bằng hạ lưu.

C. Bảo vệ nguồn nước ngầm cho sản xuất và sinh hoạt.

D. Đảm bảo nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến lâm sản, sản xuất giấy.

***Câu 47.*** ***Hạn chế chủ yếu nào trong khai thác nông nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ?***

A. trình độ khoa học kĩ thuật chưa cao.

B. có một mùa khô sâu sắc và kéo dài.

C. nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp chưa nhiều.

D. trình độ lao động còn hạn chế.

***Câu 48.* *Phát biểu nào sau đây là xu thế quan trọng đối với việc phát triển công nghiệp theo chiều sâu của Đông Nam Bộ?***

A. Tiếp tục mở rộng và cải tạo các trung tâm công nghiệp.

B. Tăng cường mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài.

C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn.

D. Phát triển nguồn điện để giải quyết vấn đề năng lượng.

***Câu 49.* *Vườn quốc gia đồng thời là khu dự trữ sinh quyển nổi tiếng ở vùng Đông Nam Bộ:***

A. Côn Đảo. B. U Minh Hạ. C. Tràm Chim. D. Yok Đôn.

***Câu 50.*** ***Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?***

A. Diện tích đất đỏ badan và đất xám phù sa cổ lớn.

B. Cơ sở công nghiệp chế biến hiện đại nhất cả nước.

C. Khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận xích đạo.

D. Nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **Tổ, nhóm** | **Giáo viên ra đề cương** **Chu Thị Trúc** |

*Ngày 18 tháng 2 năm 2024*